

Bản án số: 17/2020/HS-PT
Ngày: 15/01/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Bà Đào Thị Minh Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiệm, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 748/2019/TLPT-HS ngày 23 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo P, C phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2019/HSST ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. P, sinh ngày 05 tháng 5 năm 1977; nơi cư trú: Thôn P1, thị trấn P2, huyện P3, tỉnh L; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; con ông P4 và bà P5 (đều đã chết); có vợ 1 là P6 (chưa đăng ký kết hôn), vợ 2 là P7 và có 05 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2003 bị Tòa án nhân dân huyện P8, tỉnh L xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giữ từ ngày 28/4/2019 và bị tạm giam từ ngày 04/5/2019; Có mặt.

2. C, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn C1, xã C2, huyện C3, tỉnh L; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; con ông C4 và bà C5 (đã chết); có vợ 1 là C6 (đã ly hôn), vợ 2 là C7 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 1996 bị Tòa án nhân dân huyện P8, tỉnh L xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Năm 1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh L

xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Chứa chấp tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; bị tạm giam từ ngày 14/5/2019; Có mặt.

* **Người bào chữa cho bị cáo P, C:** Bà J, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L; Có mặt.

* **Người phiên dịch tiếng Mông:** Ông V; nơi cư trú: Tổ 15, phường X, thành phố L, tỉnh L; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2012, P sang Trung Quốc làm thuê và có quen biết với một người phụ nữ tên A, A cho P số điện thoại và bảo P về Việt Nam tìm phụ nữ mang sang bán cho A, P đồng ý. Đến khoảng tháng 4/2013, C đến nhà P chơi, P rủ C cùng tìm phụ nữ đưa sang Trung Quốc bán cho người phụ nữ tên A lấy tiền chia nhau tiêu xài, giá cả tùy thuộc vào hình thức phụ nữ, C đồng ý. Khoảng tháng 7/2013, C cùng P lên huyện Z1, tỉnh Z2 thăm người thân, trên đường quay về L, C nói với P là lừa cháu M (sinh năm 2002; là cháu gọi P bằng bác) đang ở cùng bà nội là M1 gần nhà P, để đưa sang Trung Quốc bán, P đồng ý và thống nhất khi nào bà M1 không ở nhà thì P sẽ bảo M ra Km 20, thị trấn Phong Hải gặp C để C đưa đi mua điện thoại rồi sẽ đưa M sang Trung Quốc bán. Khoảng giữa tháng 8/2013, P thấy bà M1 không ở nhà nên đã gọi điện cho C lên đón M đưa sang Trung Quốc bán. Sau đó P bảo với M là “Ra Km 20 gặp bác C để bác C mua điện thoại cho”, M đồng ý rồi đi bộ ra Km 20. C đi xe máy đến Km 20 thì gặp M ở đó, M hỏi C có phải đưa M đi mua điện thoại không thì C nói “đúng” rồi chở M lên khu vực chợ Cốc Lếu, thành phố L mua cho M một chiếc điện thoại di động giá khoảng 300.000 đồng, C gọi điện thoại cho P nói đã đón được M và bảo P gọi cho người Trung Quốc hẹn đến đón ở khu vực thôn V, xã V1, huyện Bảo Thắng, P gọi điện cho A đến đón người ở khu vực thôn V, A đồng ý. C chở M quay lại rồi rẽ vào đường đi V, khi đến bờ suối thuộc thôn V, xã V1, C nhìn thấy có người đến ở bên bờ phía Trung Quốc, C cõng M lội qua suối sang Trung Quốc gặp hai người đàn ông Trung Quốc, hai người này hỏi C có phải người của P không thì C nói phải, do trời mưa nên C, M và hai người đàn ông Trung Quốc đến một lán để trú mưa. Tại đây C đã giao M cho 2 người này rồi quay về Việt Nam. Khoảng một tuần sau A hẹn gặp P ở khu vực V- V1 thuộc Việt Nam và nói M bé và xấu nên chỉ được 3000CNY (nhân dân tệ), P đồng ý cầm số tiền này về V1 đổi ra tiền Việt Nam được gần 10.000.000 đồng, P nói với C tiền bán M được 3.000CNY rồi chia cho C 5.000.000 đồng, số còn lại P đã chi tiêu cá nhân hết. Đối với bị hại M sau khi bị bán sang Trung Quốc đã được gả chồng cho một gia đình người Trung Quốc, đến đầu năm 2019 thông qua mạng xã hội đã liên lạc được với gia đình. Ngày 03/4/2019, M3 (là anh họ M) sang Trung Quốc đón M

về Việt Nam và làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của P và C. Ngày 28/4/2019, P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2019/HSST ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh L quyết định:

Tuyên bố các bị cáo P, C phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo P 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 28/4/2019.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 56 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo C 12 (mười hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt 12 (mười hai) năm tù của Bản án này với 04 (bốn) năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2016/HSST ngày 30/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Y2. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/9/2016.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo P và C có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C xin rút toàn bộ kháng cáo; bị cáo P giữ nguyên kháng cáo đồng thời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã được tóm tắt ở trên và trình bày đã tác động gia đình bồi thường hết, gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử có quan điểm: Tại phiên tòa bị cáo C tự nguyện rút kháng cáo nên căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo. Riêng bị cáo P có tình tiết mới, thực hiện xong trách nhiệm dân sự, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nhưng xét tình chất hành vi phạm tội nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo P trình bày quan điểm bào chữa: Đề nghị áp dụng quy định pháp luật theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo và do P có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị xử phạt bị cáo P 10 (mười) năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo nên căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo C.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo P và C khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời trình bày của người bị hại, nhân chứng và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Như vậy, Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử bị cáo P và đồng phạm về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” với tình tiết định khung “Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới nước Cộng hòa xã hội C nghĩa Việt Nam” theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 151 của Bộ luật hình sự là đúng.

Vụ án thuộc loại rất nghiêm trọng, có đồng phạm nhưng thuộc loại giản đơn. Bị cáo P là người khởi xướng, rủ bị cáo C cùng tham gia thực hiện tội phạm và bị cáo cũng là người thực hành nên giữ vai trò chính trong vụ án.

[3] Xét kháng cáo: Bị cáo P trình bày do nhận thức hạn chế và xuất phát từ hoàn cảnh khó khăn nên dẫn đến phạm tội, nay rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, mong được khoan hồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo P đã tác động với gia đình thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường dân sự cho người bị hại, gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới nên bị cáo được áp dụng thêm điểm b khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Như vậy kháng cáo của bị cáo là có căn cứ nên cần chấp nhận giảm cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về án phí: Bị cáo C rút kháng cáo và kháng cáo của bị cáo P được chấp nhận nên cả hai bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc Hội ngày 30/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo C, Bản án sơ thẩm số 21/2019/HSST ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh L có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo P, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 21/2019/HSST ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh L, giảm hình phạt cho bị cáo P.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo P 12 (mười hai) năm tù về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 28/4/2019.

3. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Công an tỉnh L;
- Trại tạm giam tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, HCTP.

CÁC THẨM PHÁN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- C TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Xuân

THẨM PHÁN- C TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng

Đào Thị Minh Thủy

Nguyễn Thị Thanh Xuân